

Bản án số: 67/2024/DS-ST

Ngày: 18-6-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Châu Phương.

2. Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Trụ sở chính: Số 2, đường LT, phường TC, Quận DB, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện thực hiện việc khởi kiện: Ông Võ Hoàng H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Kiều N, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M (Văn bản ủy quyền số: 229/NHNo.MCN-TH ngày 13/6/2024).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tùng C, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Ấp TP, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị H, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Ấp TP, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Kiều N có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Tùng C và bà Võ Thị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều N trình bày:

Ngày 10/10/2022, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M – Phòng giao dịch T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Nguyễn Tùng C và bà Võ Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202203245, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng (ngày 10/10/2022). Mục đích vay: chăn nuôi bò. Kỳ hạn trả nợ: 03 kỳ, kỳ 1: ngày 10/10/2023 trả 20.000.000 đồng, kỳ 2: ngày 10/10/2024 trả 30.000.000 đồng và kỳ 3: ngày 10/10/2025 trả 150.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 10.5% năm, áp dụng lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; kỳ hạn trả lãi 06 tháng/lần vào ngày 20. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay và chuyển toàn bộ vào tài khoản số 7103205248837 của ông C và bà H mở tại Ngân hàng. Để bảo đảm cho khoản vay, Ngân hàng có giữ của ông C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 399812 đối với thửa số 1559, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp TP, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Tùng C ngày 22/7/2011 nhưng không có thể chấp quyền sử dụng đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà H có trả được 19.076.713 đồng (Mười chín triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng) tiền lãi, từ ngày 23/8/2023 cho đến nay không thanh toán thêm khoản tiền nào khác. Ngân hàng phối hợp với chính quyền địa phương nhiều lần đến nhà yêu cầu ông C và bà H thanh toán nợ, ông C và bà H có cam kết trả nợ nhưng không thực hiện.

Do ông C và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Tùng C và bà Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/6/2024 là 217.702.274 đồng (Hai trăm mười bảy triệu bảy trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó: tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 17.702.274 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng). Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202203245 ngày 10/10/2022 mà các bên đã ký kết từ ngày 19/6/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Bị đơn là ông Nguyễn Tùng C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H trình bày:

Vào ngày 26/9/2022, bà có ủy quyền cho ông Nguyễn Tùng C thực hiện thủ tục vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202203245 ngày 10/10/2022 được ký kết giữa ông C và Ngân hàng, số tiền vay là 200.000.000 đồng

(Hai trăm triệu đồng), ông C đã nhận đủ số tiền vay thông qua tài khoản ngân hàng. Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời hạn vay, mục đích vay, kỳ hạn trả nợ và lãi suất vay.

Khi vay, bà và ông C không có thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay. Tuy nhiên, ông C có giao cho Ngân hàng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 399812 đối với thửa số 1559, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp TP, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Năm, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Tùng C ngày 22/7/2011.

Tính đến ngày 22/8/2023, bà và ông C đã trả cho Ngân hàng được số tiền lãi là 19.076.713 đồng (Mười chín triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng). Từ sau ngày 23/8/2023 cho đến nay, do việc chăn nuôi thu lỗ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà và ông C không trả thêm được khoản tiền nào khác cho Ngân hàng.

Bà đồng ý cùng ông Nguyễn Tùng C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 85 và 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Tùng C và bà Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/6/2024 là 17.702.274 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/6/2024 cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng N yêu cầu ông Nguyễn Tùng C, bà Võ Thị H có

nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay tín dụng còn nợ, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Hợp đồng được thực hiện tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M Bến Tre - Phòng giao dịch Tân Trung có địa chỉ tại ấp Tân Hậu 2, xã Tân Trung, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Tùng C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H vắng mặt trong giai đoạn hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về nghĩa vụ trả nợ vay: Ngân hàng và ông C đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202203245 ngày 10/10/2022 với nội dung: Số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, mục đích vay: chăn nuôi bò; kỳ hạn trả nợ: 03 kỳ, kỳ 1: ngày 10/10/2023 trả 20.000.000 đồng, kỳ 2: ngày 10/10/2024 trả 30.000.000 đồng và kỳ 3: ngày 10/10/2025 trả 150.000.000 đồng; lãi suất cho vay là 10.5% năm, áp dụng lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; kỳ hạn trả lãi 06 tháng/lần vào ngày 20. Ngày 10/10/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho ông C số tiền vay là 200.000.000 đồng. Xét thấy, các thỏa thuận của đương sự trong hợp đồng tín dụng nêu trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý. Ngân hàng xác định sau khi được giải ngân tiền vay, ông C chỉ thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 22/8/2023 với số tiền lãi là 19.076.713 đồng thì ngưng cho đến nay không thanh toán nữa. Số tiền còn lại ông C còn nợ Ngân hàng tính đến 18/6/2024 là 217.702.274 đồng, trong đó: nợ vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 17.702.274 đồng. Quá trình giải quyết, ông C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của ông C về những nội dung liên quan đến việc ký kết hợp đồng tín dụng, số tiền được giải ngân, số tiền ông C đã thanh toán cũng như số tiền hiện còn nợ hay ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, có cơ sở xác định ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/6/2024 là 217.702.274 đồng là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2] Ngoài ra, tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 19/6/2024 cho đến khi ông C trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202203245 ngày 10/10/2022 giữa Ngân hàng với ông C.

[2.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà H có nghĩa vụ liên đới cùng ông C trả số tiền vay: Thấy rằng, theo Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202203245 ngày 10/10/2022 thì ông C là người trực tiếp ký tên trong hợp đồng tín dụng, bà H không ký tên nhưng ngày 26/9/2022 bà H có lập văn bản ủy quyền cho ông C xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng và tại biên bản lấy lời khai đối với bà H thì bà H cũng thừa nhận và đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng ông C trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc bà H có nghĩa vụ liên đới cùng ông C trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Ngân hàng không có ký hợp đồng thế chấp nhưng hiện đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 399812 đối với thửa số 1559, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp TP, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Tùng C ngày 22/7/2011. Do thửa đất này không được thế chấp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc Ngân hàng trả lại cho ông C và bà H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông C thuộc trường hợp người cao tuổi, Tòa án đã ra thông báo cho ông C thực hiện các thủ tục để được xem xét miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng ông C không thực hiện. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông C và bà H phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; các điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Tùng C và bà Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N (Do Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M đại diện nhận) tổng số tiền tính đến ngày 18/6/2024 là 217.702.274 đồng (Hai trăm mười bảy triệu bảy trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó: Tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 17.702.274 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 19/6/2024 cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, ông Nguyễn Tùng C và bà Võ Thị H còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202203245 ngày 10/10/2022 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch T với ông Nguyễn Tùng C.

Buộc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M Bến Tre - Phòng giao dịch Tân Trung có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Tùng C và bà Võ Thị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 399812 đối với thửa số 1559, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp TP, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Tùng C ngày 22/7/2011.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tùng C và bà Võ Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.885.000 đồng (Mười triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.192.000 đồng (Năm triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003924 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân